**NGHỊ QUYẾT**

**Bãi bỏ điểm 5, phần I, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 8-12-2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**(NQ /số 24/2017/NQ-HĐND ngày 18-7-2017)**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 1055/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ điểm 5, phần I, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ điểm 5, phần I, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

**Hoàng Đăng Quang**

**NGHỊ QUYẾT**

**Đặt tên đường tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình (lần thứ 1)**

**(NQ /số 25/2017/NQ-HĐND ngày 18-7-2017)**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2000/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ về việc thành lập thị trấn huyện lỵ huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ - CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 1082/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh về việc đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình (lần thứ 1); báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt tên cho 27 tuyến đường trên địa bàn thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu của Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

**Hoàng Đăng Quang**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Đề xuất dự án Xây dựng Quần thể tượng đài Hồ Chí Minh theo hình thức đối tác công tư (PPP)- Loại Hợp đồng BT**

**(NQ /số 25/2017/NQ-HĐND ngày 18-7-2017)**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP);

Căn cứ Quyết định 23/2015/QĐ-TTg ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế Nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao;

Xét Tờ trình số 1185/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Đề xuất dự án Xây dựng Quần thể tượng đài Hồ Chí Minh theo hình thức đối tác công tư (PPP) - Loại Hợp đồng BT; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề xuất dự án Xây dựng Quần thể tượng đài Hồ Chí Minh theo hình thức đối tác công tư (PPP) - Loại Hợp đồng BT, với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng Quần thể tượng đài Hồ Chí Minh

2. Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư: UBND tỉnh Quảng Bình.

3. Đơn vị đề xuất dự án: Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải.

4. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đấu thầu rộng rãi theo quy định.

5. Mục tiêu dự án: Xây dựng mới Tượng đài Hồ Chí Minh để tỏ lòng kính yêu của nhân dân Quảng Bình với Bác; xây dựng khu quần thể quảng trường theo quy hoạch, tạo khu tượng đài, quảng trường, diễu hành, hành lễ và khu công viên trung tâm phục vụ nhu cầu vui chơi, tham quan của nhân dân; tạo mỹ quan đô thị và từng bước hoàn thiện quy hoạch thành phố Đồng Hới.

6. Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất:

a) Địa điểm xây dựng: Khu vực thành nội thuộc phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai;

- Phía Nam giáp tường thành cổ Đồng Hới;

- Phía Đông giáp đường Hùng Vương;

- Phía Tây giáp tường thành cổ Đồng Hới.

b) Quy mô đầu tư:

- Dự án nhóm B;

- Dự án được đầu tư xây dựng mới, đồng bộ theo Quy hoạch được duyệt;

- Dự kiến các hạng mục đầu tư chủ yếu: (i) Tháo dỡ Sân vận động cũ và (ii) Xây dựng mới Quần thể tượng đài Hồ Chí Minh gồm: Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Quảng Bình; khu quảng trường; sân hành lễ; đường diễu hành; cây xanh; thảm cỏ, đường dạo; đồi cây; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, điện chiếu sáng và các hạng mục phục trợ khác.

c) Diện tích sử dụng đất dự kiến: 6,8 ha.

7. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 128.000 triệu đồng.

(Một trăm hai mươi tám tỷ đồng)

8. Loại hợp đồng dự án: Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (gọi tắt là Hợp đồng BT).

9. Phương án tài chính sơ bộ:

a) Nguồn vốn đầu tư: Nhà đầu tư tự thu xếp và huy động nguồn vốn hợp pháp để thực hiện dự án theo quy định hiện hành và Hợp đồng dự án.

b) Cơ chế thanh toán vốn đầu tư: Nhà đầu tư được nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất tại Khu Mũi Sác từ cầu Dài đến cầu Nhật Lệ II thuộc phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới thực hiện Dự án khác để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận. Việc thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư thực hiện theo Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo hình thức Hợp đồng BT.

c) Nguyên tắc thanh toán: Theo nguyên tắc ngang giá, bù trừ chênh lệch giữa giá trị Dự án BT và giá trị quỹ đất thanh toán.

10. Thời gian thực hiện dự án dự kiến: 24 tháng.

11. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

12. Dự án khác (Dự án Nhà đầu tư được thực hiện để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận):

a) Tên dự án: Khu đô thị Nam cầu Dài (Mũi Sác).

b) Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng khu đô thị với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn thiện hiện đại, đồng bộ nhằm hình thành khu nhà ở mới, đảm bảo tính thân thiện, hài hòa với môi trường; góp phần từng bước hoàn thiện quy hoạch chung của thành phố Đồng Hới.

c) Địa điểm: Khu Mũi Sác từ cầu Dài đến cầu Nhật Lệ II thuộc phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới, có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Tây giáp đường Quang Trung;

- Phía Đông giáp sông Nhật Lệ;

- Phía Bắc giáp sông Lệ Kỳ, cầu Dài;

- Phía Nam giáp cầu Nhật Lệ II.

d) Quy mô đầu tư dự kiến: Xây dựng khu nhà ở thương mại (dưới 2.500 căn) và các công trình phụ trợ theo quy hoạch được duyệt.

e) Diện tích sử dụng đất dự kiến: 36,0 ha.

f) Thời gian thực hiện dự án: Triển khai thực hiện đồng thời với Dự án Xây dựng Quần thể tượng đài Hồ Chí Minh (Dự án BT).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

**Hoàng Đăng Quang**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc hợp nhất các thôn trên địa bàn xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh và các tổ dân phố trên địa bàn thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy**

**(NQ /số 26/2017/NQ-HĐND ngày 18-7-2017)**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Qua xem xét Tờ trình số 1181/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về hợp nhất các thôn trên địa bàn xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh và các tổ dân phố trên địa bàn thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hợp nhất các thôn trên địa bàn xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh và các tổ dân phố trên địa bàn thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy như sau:

1. Xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh: Hợp nhất thôn Liên Sơn và thôn Xuân Sơn thành thôn Liên Xuân.

2. Thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy:

a) Hợp nhất tổ dân phố 1, tổ dân phố 2 và tổ dân phố 3 thành tổ dân phố Xuân Giang;

b) Hợp nhất tổ dân phố 4 và tổ dân phố 5 thành tổ dân phố Phong Giang;

c) Hợp nhất tổ dân phố 6, tổ dân phố 7 và tổ dân phố 8 thành tổ dân phố Thượng Giang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017. Các quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bãi bỏ.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

**Hoàng Đăng Quang**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về thông qua quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035**

(NQ /số 26/2017/NQ-HĐND ngày 18-7-2017)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 952/2011/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Xét Tờ trình 1090/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, gồm các nội dung chính sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi và trở thành một ngành kinh tế có tác động lan tỏa trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo yêu cầu hiện đại hóa, kết nối liên ngành, liên vùng. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 đạt mức khá trong cả nước.

b) Công nghệ thông tin có vai trò quan trọng trong việc cải cách hành chính, hiện đại, minh bạch hoạt động của cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

c) Hình thành và phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Ưu tiên, chú trọng phát triển nhân lực công nghệ thông tin, đặc biệt là nhân lực trình độ cao về an toàn, an ninh thông tin.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát.

Ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tác nghiệp và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao, bảo đảm rút ngắn quy trình, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính, phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Hạ tầng thông tin của tỉnh được hiện đại, đồng bộ, liên thông với hạ tầng của quốc gia; đẩy mạnh xây dựng, khai thác có hiệu quả mạng diện rộng, trung tâm dữ liệu điện tử, cơ sở dữ liệu và phần mềm dùng chung; kết nối băng rộng chất lượng cao đến vùng sâu, vùng xa, triển khai và sử dụng có hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước.

Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đạt chuẩn quốc gia, quốc tế, bảo đảm nhu cầu của tỉnh về số lượng và chất lượng, có khả năng cung cấp nguồn nhân lực cho quốc gia và thế giới.

Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành ngành kinh tế - kỹ thuật; thành lập khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh; khuyến khích các tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin đầu tư vào Quảng Bình.

Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, tiếp thu, làm chủ và sáng tạo công nghệ thông tin. Bảo đảm an toàn an ninh thông tin, làm chủ trên không gian mạng; sẵn sàng đấu tranh, ngăn chặn chiến tranh mạng, chiến tranh điện tử.

Khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử.

b) Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025.

100% các cơ quan, tổ chức từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, đồng bộ đảm bảo kết nối với mạng diện rộng, đường truyền tốc độ cao.

100% cán bộ, công chức; 70% viên chức được trang bị máy tính, kết nối Internet, được cấp hộp thư điện tử công vụ.

80% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được nâng cấp, xây dựng đồng bộ (thông tin kinh tế xã hội, dân cư, đất đai, tài nguyên, du lịch, văn hóa, giáo dục, y tế, quy hoạch, giao thông, đô thị,...).

80% - 90% nghiệp vụ chuyên môn các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và 60% nghiệp vụ chuyên môn cơ quan cấp xã được tin học hóa.

90% phần mềm dùng chung của tỉnh được đầu tư nâng cấp (quản lý văn bản, báo cáo trực tuyến, quản lý công chức, viên chức, số hóa tài liệu,...).

90% các văn bản, tài liệu của các cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp được trao đổi trên môi trường mạng và có ứng dụng chữ ký số (trừ các văn bản quản lý theo chế độ mật).

100% sở, ngành, UBND cấp huyện; 80% Ủy ban nhân dân cấp xã có trang thông tin điện tử tích hợp kết nối trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

70% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 và 50% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

70% doanh nghiệp tham gia giao dịch điện tử, giao dịch trên sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh.

100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện có cán bộ được phân công phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin.

100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan đoàn thể được đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức công nghệ thông tin.

70% hộ gia đình có người hiểu biết kiến thức công nghệ thông tin để sử dụng các dịch vụ công, tiếp cận được với internet.

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và toàn xã hội về vị trí, vai trò của công nghệ thông tin, các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghệ thông tin trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế.

b) Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển công nghệ thông tin; cơ chế thu hút, đãi ngộ thích hợp đối với cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội; quy định mục chi ngân sách cho sự nghiệp ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin theo quy định tại Điều 63 của Luật công nghệ thông tin.

c) Xây dựng khung kiến trúc và lộ trình triển khai chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình đảm bảo sự đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; công khai minh bạch hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; phù hợp với Khung Chính phủ điện tử của Việt Nam.

d) Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin của tỉnh đồng bộ, hiện đại; tập trung đầu tư, xây dựng hạ tầng viễn thông và Internet; xây dựng, nâng cấp mạng diện rộng, trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh, hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức đảm bảo cho việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng các cơ sở dữ liệu của tỉnh, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; hệ thống giao ban trực tuyến đảm bảo đồng bộ, phục vụ tốt các cuộc họp của tỉnh với Trung ương và của tỉnh đến các địa phương cấp huyện, xã trong toàn tỉnh; xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Quảng Bình, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, cũng như kết nối với các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh trong cả nước.

e) Tập trung triển khai nhân rộng và ứng dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung, các phần mềm chuyên ngành; tổ chức rà soát, nâng cấp, xây dựng mới các phần mềm đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; khẩn trương triển khai hệ thống một cửa điện tử liên thông, cổng thông tin dịch vụ hành chính công, cung cấp dịch vụ công mức 3,4 phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về xây dựng Chính phủ điện tử và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

f) Tập trung thúc đẩy khởi nghiệp lĩnh vực công nghệ thông tin, tạo tiền đề xây dựng trung tâm công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao của tỉnh; tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

g) Tiếp tục xây dựng và triển khai các Chương trình, Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức về công nghệ thông tin theo chuẩn quốc gia, quốc tế; tổ chức nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và làm chủ công nghệ mới, phần mềm nguồn mở.

h) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13, ngày 19 tháng 11 năm 2015; tăng cường năng lực mạng lưới ứng cứu sự cố của tỉnh gắn kết chặt chẽ với mạng lưới ứng cứu sự cố của quốc gia; bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, của quốc gia; tăng cường giám sát, phát hiện và kịp thời loại bỏ các thông tin phá hoại của các thế lực thù địch, thông tin trái với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Quản lý chặt chẽ thông tin trên Internet, mạng xã hội nhằm phát huy mặt tích cực; hạn chế mặt tiêu cực.

4. Định hướng phát triển công nghệ thông tin đến năm 2035

Tiếp tục phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; hiện đại, minh bạch hoạt động của cơ quan hành chính, phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp. Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

Tiếp tục đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao kỹ năng khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin cho người dân.

Hoàn thiện việc xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh; hình thành và phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, kinh tế tri thức.

5. Kinh phí thực hiện và danh mục dự án

Ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Quy hoạch; tranh thủ nguồn vốn của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương; xã hội hóa việc đầu tư hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin.

Tùy vào điều kiện nguồn kinh khí để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ dự án của Quy hoạch đảm bảo thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình Khóa XVII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

**Hoàng Đăng Quang**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018**

(NQ /số 27/2017/NQ-HĐND ngày 18-7-2017)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Qua xem xét Tờ trình số 71/TTr-TTHĐND ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018, báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018 như sau:

1. Giám sát tại kỳ họp

1.1. Giám sát tại kỳ họp giữa năm:

a) Xem xét báo cáo công tác 6 tháng của Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;

b) Xem xét báo cáo của Uỷ ban nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018; về thực hiện ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm; về công tác phòng chống tham nhũng 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm; về công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm; về giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri trước kỳ họp; một số báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

c) Tiến hành hoạt động chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và trả lời chất vấn của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác tại phiên họp chất vấn của Hội đồng nhân dân tỉnh giữa năm 2018 theo quy định của pháp luật; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri.

d) Xem xét việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có dấu hiệu trái pháp luật theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Xem xét báo cáo giám sát chuyên đề.

1.2. Giám sát tại kỳ họp cuối năm:

a) Xem xét báo cáo công tác năm 2018 của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;

b) Xem xét báo cáo của Uỷ ban nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội năm 2018, nhiệm vụ năm 2019; về thực hiện ngân sách nhà nước năm 2018, nhiệm vụ năm 2019; về công tác phòng chống tham nhũng năm 2018, nhiệm vụ năm 2019; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018, nhiệm vụ năm 2019; về công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2018, nhiệm vụ năm 2019; về giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri năm 2018; một số báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

c) Tiến hành hoạt động chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và trả lời chất vấn của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác theo quy định của pháp luật; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri;

d) Xem xét báo cáo giám sát chuyên đề.

đ) Xem xét việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có dấu hiệu trái pháp luật theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

e) Lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XVII - nhiệm kỳ 2016 - 2021 bầu.

2. Tiến hành giám sát giữa 2 kỳ họp

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thường xuyên giữa 2 kỳ họp với các nội dung sau:

a) Việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

c) Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh.

d) Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri và việc thực hiện các kiến nghị của các Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Tiến hành giám sát chuyên đề giữa 2 kỳ họp

Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát chuyên đề giữa 2 kỳ họp với các nội dung sau:

a) Giám sát công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

b) Giám sát tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

c) Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2015 - 2020.

d) Giám sát tình hình thực hiện quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản từ năm 2015 - 2017.

đ) Giám sát tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tội phạm ma tuý trên địa bàn tỉnh Quảng Bình từ năm 2013 - 2017.

e) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh từ năm 2015 - 2017.

f) Giám sát tình hình xây dựng, quản lý và sử dụng các thiết chế văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh từ năm 2013 - 2017.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh: chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện Nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018; chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; căn cứ tình hình thực tiễn để xem xét, điều chỉnh, bổ sung các biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện Nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018, đồng thời, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các kiến nghị sau giám sát, kịp thời tổng hợp, báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn giám sát của Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động giám sát; báo cáo và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác những thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu của cơ quan tiến hành giám sát. Các cơ quan chịu sự giám sát thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc những kiến nghị sau giám sát và báo cáo kết quả thực hiện đến Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2017.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

**Hoàng Đăng Quang**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc xác nhận kết quả bầu cử bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

(NQ /số 28/2017/NQ-HĐND ngày 18-7-2017)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 1 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu cử bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu cử bổ sung ông Nguyễn Trần Quang, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, trúng cử Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

(Có Biên bản kiểm phiếu bầu cử và lý lịch trích ngang kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khoá XVII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2017.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

**Hoàng Đăng Quang**

**Lý lịch trích ngang ông Nguyễn Trần Quang**

(Kèm theo Nghị quyết số: 28 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Họ và tên: Nguyễn Trần Quang Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/4/1968

Quê quán: Xã Quảng Trường, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 11, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Ngày vào Đảng CSVN: 19/12/1996

Ngày chính thức: 19/12/1997

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ lý luận Chính trị: Cao cấp

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Toán, Kỹ sư Tin học, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.